

Bản án số: 05/2021/ HNGĐ – ST  
Ngày: 28 - 01 - 2021  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Bà Nguyễn Thị Mi Mi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Phan Thị Nhâm.

2/ Ông Nguyễn Thanh Phong.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Lài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Bích Truyền – kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 449/2020/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020. Về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST– HNGĐ ngày 22/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn :* Chị Lê Thị Mỹ – Sinh năm 1990 .

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

*Bị đơn :* Anh Lê Trung H – Sinh năm 1982 .

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01/9/2020 và tại bản khai nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T trình bày:* Chị có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Lê Trung H. Chị với anh H cưới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau tại

thôn 6, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau đến nay là 12 năm, trong khoảng thời gian đó vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhỏ, lời qua tiếng lại nhưng cũng hàn gắn vì con nhưng khoảng 02 năm gần đây mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chỉ càng ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không lo làm ăn, suốt ngày kiếm chuyện chửi bới chị. Nhiều lần chị nói chuyện để khuyên răn anh H thì anh H lại đánh chị. Chị nhận thấy chị không thể tiếp tục chịu đựng những trận đòn vô lý của anh H nữa, từ đó chị cũng thấy tình cảm vợ chồng càng ngày càng phai nhạt, có tiếp tục sống chung thì anh H cũng không sửa đổi, vợ chồng cũng không thể hạnh phúc. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Trung H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Yến N – sinh ngày 28/01/2009; Lê Nhật H – sinh ngày 21/6/2015; Lê Nhật H – sinh ngày 21/6/2015. Hiện các con đang ở với chị T.

Khi ly hôn chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 03 con tên Lê Thị Yến N – sinh ngày 28/01/2009; Lê Nhật H – sinh ngày 21/6/2015; Lê Nhật H – sinh ngày 21/6/2015 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của anh H để tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh H cố tình lẩn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, anh H vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ T. Chị Lê Thị Mỹ T được ly hôn với anh Lê Trung H.

Về con chung : Giao các con chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 03 con tên Lê Thị Yến N – sinh ngày 28/01/2009; Lê Nhật H – sinh ngày 21/6/2015; Lê Nhật H – sinh ngày 21/6/2015 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:* Chị Lê Thị Mỹ T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Trung H và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con. Anh Lê Trung H có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện Hàm Thuận Bắc. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng :* Xét bị đơn anh Lê Trung H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh H.

[3] *Về nội dung:* Chị T với anh H cưới nhau năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau tại thôn 6, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau đến nay là 12 năm, trong khoảng thời gian đó vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhỏ, lời qua tiếng lại nhưng cũng hàn gắn vì con nhưng khoảng 02 năm gần đây mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị càng ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không lo làm ăn, suốt ngày kiếm chuyện chửi bới chị. Nhiều lần chị nói chuyện để khuyên răn, anh H thì anh H lại đánh chị. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh Lê Trung H. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H đến Tòa để hòa giải, nhưng anh H cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tình cảm giữa chị T với anh H không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của chị T là có căn cứ, nên chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Yến N – sinh ngày 28/01/2009; Lê Nhật H – sinh ngày 21/6/2015; Lê Nhật H – sinh ngày 21/6/2015. Hiện các con đang ở với chị T.

Khi ly hôn chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 03 con tên Lê Thị Yến N – sinh ngày 28/01/2009; Lê Nhật H – sinh ngày 21/6/2015; Lê Nhật H – sinh ngày 21/6/2015 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện nay các con đang sinh sống ổn định với chị T. Hơn nữa theo nguyện vọng của cháu N mong muốn được tiếp tục ở với mẹ. Anh H cũng không đưa ra ý kiến gì về việc con chung. Vì vậy yêu cầu của chị T là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản và nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Anh Lê Trung H không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Khoản 4 Điều 91, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 146, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên Xử:**

**1/ Về Hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ T. Chị Lê Thị Mỹ T được ly hôn anh Lê Trung H.

**2/ Về con chung:** Giao 03 con chung tên Lê Thị Yến N – sinh ngày 28/01/2009; Lê Nhật H – sinh ngày 21/6/2015; Lê Nhật H – sinh ngày 21/6/2015 cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Lê Thị Mỹ T không yêu cầu anh Lê Trung H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Trung H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

**3/ Về tài sản và nợ:** Không yêu cầu giải quyết.

**4/ Về Án Phí:** Chị Lê Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. chị T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004338 ngày 09/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Anh Lê Trung H không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**5/ Về quyền kháng cáo:**

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm (28/01/2021).

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Thị Mi Mi**